Tên: ……..

Lớp: S6…

Ngày giao bài: Thứ ……, ngày ……/…….

Ngày nộp bài: Thứ ……, ngày ……/…….

Week: 7

Ngữ pháp HW: ……

Nghe HW: ……

Will and Going to & Listening KET Part 5

A. THEORY

I. GRAMMAR – WILL AND GOING TO

Nội dung	Will	Going to
Định nghĩa	Dùng để nói về một hành động hoặc sự việc trong tương lai.	Dùng để nói về một kế hoạch, ý định hoặc dự đoán trong tương lai.
Cách dùng	- Quyết định được đưa ra ngay tại thời điểm nói. - Dự đoán dựa trên suy nghĩ hoặc ý kiến cá nhân. - Dùng cho lời hứa, lời đề nghị, lời yêu cầu hoặc lời từ chối.	- Kế hoạch hoặc ý định đã được quyết định trước khi nói. - Dự đoán dựa trên dấu hiệu hoặc bằng chứng hiện tại. - Dùng để nói về một việc mà ai đó có ý định thực hiện.
Công thức	(+) S + will + V(bare). (-) S + will not/won't + V(bare). (?) Will + S + V (bare)? ➔ Yes, S + will. ➔ No, S + will not/won't. (?) Wh-word + will + S + V (bare)?	(+) S + am/is/are going to + V (bare). (-) S + am/is/are not going to + V (bare). (?) Am/Is/Are + S + going to + V (bare)? ➔ Yes, S + tobe (am/is/are). ➔ No, S + tobe not (am/is/are not). (?) Wh-word + am/is/are + S + going to + V (bare)?
Ví dụ	The phone is ringing. I **will answer** it.	We **are going to visit** our grandparents this weekend.
Dấu hiệu nhận biết	I think, I believe, probably, perhaps, I promise	Look!, Watch out!, this weekend, next week, tomorrow

II. EXTRA VOCABULARY

Con truy cập link/quét mã QR để nghe và đọc lại từ vựng nhé:
https://soundcloud.com/ms-chi-english/viet-teacher_s6_w7_extra-vocab

No.	Words	Meaning	Useful phrases
1	**fashion show** (n)	buổi trình diễn thời trang	have a fashion show
2	**help with something** (phr)	giúp đỡ (làm) việc gì	help with the school show
3	**make-up** (v)	việc trang điểm, đồ trang điểm	do some one's make up

LIVEWORKSHEETS

4	**brilliant** (adj)	xuất sắc	be brilliant at something
5	**afterwards** (adv)	sau đó	have a party afterwards
6	**interested in** (phr)	hứng thú với	be interested in something

B. CLASSWORK

LISTENING KET PART 5

Con truy cập link/quét mã QR để làm bài nghe nhé:
https://soundcloud.com/ms-chi-english/viet-teacher_s6_w7_ket

Questions 21 – 25

For each question, choose the correct answer.

You will hear Julia talking to her mother about a school fashion show.
What will each person help with?
Example:

0 Julia **D**

People		**Help with**	
21 Anton	☐	**A**	clothes
22 Emma	☐	**B**	food
23 Karl	☐	**C**	lights
24 Sarah	☐	**D**	make-up
25 George	☐	**E**	music
		F	photographs
		G	posters
		H	tickets

LIVEWORKSHEETS

GRAMMAR (10 questions)

I. Choose the correct answer.

1. Look at those dark clouds! It **will / is going to** rain soon.
2. My phone is ringing. I **will / am going to** answer it.
3. We bought the train tickets yesterday. We **will / are going to** visit our grandparents this weekend.
4. Be careful! You **will / are going to** drop those glasses.
5. I think people **will / are going to** use more electric cars in the future.

II. Complete the sentences with the correct form of WILL or BE GOING TO and the verbs in brackets.

1. The doorbell is ringing. I _____ **(open)** the door.
2. We have bought some flour, eggs and chocolate. We _____ **(make)** a cake this afternoon.
3. Look at that child near the swimming pool! He _____ **(fall)** into the water.
4. _____ you _____ **(help)** me with this heavy bag, please?
5. Lucy has decided to stay at home, so she _____ **(not come)** to the party tonight.

C. HOMEWORK

GRAMMAR (25 questions)

I. Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ ở phần II. Extra Vocabulary (trang 1) 1 dòng vào vở ghi.

II. Circle the correct answers.

1. Look at those dark clouds! It _____ soon.
   A. will rain B. is going to rain C. rains
2. Person 1: I cannot carry this heavy picnic bag.
   Person 2: Do not worry. I _____ it for you.
   A. will carry B. carry C. are going to carry
3. Mia has decided to stay at home, so she _____ us at the movie theater tomorrow.
   A. is not going to join B. will not join C. did not join
4. _____ your camera to the zoo tomorrow? You have already put it in your bag.
   A. Will you bring B. Do you going to bring C. Are you going to bring
5. I think the baby elephant _____ much bigger next year.
   A. will being B. is going to be C. will be

LIVEWORKSHEETS

III. Complete the text using WILL or GOING TO.

Our Day at the Zoo

Next Saturday, Class 6A **(1)** _____ **(visit)** the city zoo because their teacher has already booked the tickets. Ms Green has prepared a timetable and **(2)** _____ **(give)** it to the students before they leave. I have decided that I **(3)** _____ **(bring)** my camera because I want to take pictures of the animals. We have also read the zoo rules, so we **(4)** _____ **(not feed)** the animals our own food.

Ben has two heavy lunch bags. "Do not worry. I **(5)** _____ **(carry)** one of them," I tell him. My dad thinks the weather **(6)** _____ **(be)** warm and sunny during our trip. However, when we arrive at school on Saturday morning, we see some dark clouds. "Look! It **(7)** _____ **(rain)** soon," Ms Green says. She quickly decides, "We **(8)** _____ **(visit)** the reptile house first."

A zookeeper has prepared a short talk. He **(9)** _____ **(tell)** us about snakes, turtles and crocodiles. After that, we have arranged to visit the giraffes, and we **(10)** _____ **(give)** them some special leaves. At the elephant area, one elephant lifts its trunk towards us. "Be careful! It **(11)** _____ **(spray)** water at us!" Minh shouts.

At lunchtime, Nam realises that he has forgotten his water bottle. "I **(12)** _____ **(share)** mine with you," I tell him. After lunch, we have planned to see the penguins, so we **(13)** _____ **(walk)** to their areas. The school has booked a bus, and it **(14)** _____ **(pick)** us up at three o'clock. When I get home, my little brother asks to see my photos. "Of course! I **(15)** _____ **(show)** them to you," I promise.

IV. Use the correct form of WILL or BE GOING TO to complete the sentences.

1. Olivia / already planned/ take part in / a volunteer project / next summer.

   → _____.

2. I promise / I / not share / your confidential information / with anyone.

   → _____.

3. Look at the smoke coming from that machine! / it / malfunction.

   → _____.

4. you / submit / your application / before the deadline / ?

   → _____.

5. In my opinion / artificial intelligence / not completely replace / human teachers.

   → _____.

LIVEWORKSHEETS

LISTENING PRACTICE (5 questions)

Lưu ý:

1. Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
2. Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài.

Con truy cập link/quét mã QR để làm bài nghe nhé:
https://soundcloud.com/ms-chi-english/viet-teacher_s6_w7_ket

Listen Listening KET Part 5 on page 2 again and write NO MORE THAN 2 WORDS to complete the sentences.

1. Julia and her classmates are preparing for another school _____.
2. The teacher says that they do not need _____ for the show.
3. Kari is good at taking photographs, and he is also brilliant at _____.
4. Sarah sold tickets last time, but now she is very interested in _____.
5. It is difficult to decide how many snacks to buy because they have not sold many _____ yet.

What is the best title for the conversation?

A. Getting Ready for a School Fashion Show.
B. Buying Clothes for a Family Party
C. Learning to Take Good Pictures

LIVEWORKSHEETS